

Số: *27* /2017/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày *06* tháng *9* năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn tại Tờ trình số 591/TTr-BKA ngày 28 tháng 8 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- NHCS XH Việt Nam;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐLĐ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Hội LHPN tỉnh; Hội CCB tỉnh; Tỉnh đoàn;
- Trung tâm công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải



QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng.

Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các tổ chức chính trị - xã hội, NHCSXH tỉnh, huyện và các đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh Bắc Kạn để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn được quản lý và sử dụng theo quy định tại quy chế này.

Quy chế này thay thế Quy chế Tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh Bắc Kạn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn ban hành kèm Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ Ngân sách tỉnh Bắc Kạn không đúng mục đích. Cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1, Điều 11 Quy chế này.

Điều 5. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh).

2. Cấp huyện: Phòng Tài chính kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 6. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương

1. Hàng năm, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu cho UBND tỉnh cân đối nguồn vốn từ ngân sách tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, ủy thác cho NHCSXH để bổ sung nguồn vốn cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố cân đối nguồn vốn từ ngân sách huyện trình Hội đồng nhân dân huyện, thành phố phê duyệt, ủy thác cho NHCSXH huyện để bổ sung nguồn vốn cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

3. Hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền.

4. Hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 7. Đối tượng cho vay

Áp dụng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (sau đây viết tắt là Nghị định số 78/2002/NĐ-CP) và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (nếu có).

Điều 8. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP.

Điều 9. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay

Quy định về mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có) được thực hiện theo quy định hiện hành về cho vay của NHCSXH và phù hợp với thực tế tại địa phương.

Điều 10. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 11. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh);

b. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác;

c. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích 10% số tiền lãi thu được, tỷ lệ hưởng như sau:

c.1. Đối với nguồn vốn ủy thác từ ngân sách cấp tỉnh:

c.1.1. Trích 5% số tiền lãi thu được cho Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh để chi phục vụ công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khen thưởng.

c.1.2. Trích 5% số tiền lãi thu được giao cho Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để chi phục

vụ công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

c.2. Đối với nguồn vốn ủy thác từ ngân sách cấp huyện:

c.2.1. Trích 5% số tiền lãi thu được cho Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp huyện để chi phục vụ công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khen thưởng.

c.2.2. Trích 5% số tiền lãi thu được giao cho Phòng Tài chính Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để chi phục vụ công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

d. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này do Chủ tịch UBND tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 12. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh), do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, cấp huyện, NHCSXH tỉnh, huyện báo cáo UBND cấp tỉnh, cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 13. Hợp đồng ủy thác đối với các cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác

Hợp đồng ủy thác đối với cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác cần đảm bảo một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tên, địa chỉ, người đại diện, chức vụ... của bên ủy thác và bên nhận ủy thác.
2. Nội dung ủy thác đầu tư.
3. Số tiền ủy thác, thời hạn ủy thác, lãi suất ủy thác, phương thức cấp vốn (ngày chuyển tiền ủy thác, ngày chuyển chi phí quản lý (nếu có)...).
4. Cơ chế cho vay từ nguồn vốn ủy thác đầu tư.
 - a. Đối với cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: thực hiện theo các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của NHCSXH.
 - b. Đối với đối tượng có chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (nếu có) quy định: Áp dụng thủ tục, quy trình, sản phẩm cho vay theo quy định hiện hành của NHCSXH.
5. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 11 quy chế này và các quy định của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan trong từng thời kỳ.
6. Về xử lý nợ rủi ro thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này và các quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rủi ro trong từng thời kỳ.
7. Quyền và trách nhiệm của các Bên.
8. Khi có thay đổi về nội dung của Hợp đồng ủy thác, các bên tham gia phải ký bổ sung Phụ lục hợp đồng.
9. Các thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 14. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

1. Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.
2. Hằng năm, đến kỳ báo cáo quyết toán (31/12), Chi nhánh NHCSXH tỉnh và Phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo kết quả thực hiện về nguồn vốn, dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác cùng cấp.

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác;
2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Tài chính kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu, đề xuất với UBND các cấp:

a. Bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh (huyện) ủy thác qua NHCSXH tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn; thực hiện kiểm tra việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH;

b. Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương;

c. Kiểm tra việc quản lý và sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 11 Quy chế này.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác.

a. Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

b. Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo Văn bản liên tịch và Hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, huyện:

a. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại văn bản này;

b. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định;

c. Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d. Thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 15 của Quy chế.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan liên quan trong thực hiện chương trình ủy thác và Phòng giao dịch NHCSXH huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lý Thái Hải